TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2017/DS-ST

Ngày: 24-8-2017

"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Ngô Bá Đức

2/ Ông Nguyễn Văn Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2017/TLST – KDTM, ngày 04/5/2017, về: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXX – ST, ngày 30/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: ấp V, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Phan Văn D, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền đề ngày 22/8/2017).

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: ấp V, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phan Văn Th, sinh năm 1977*;* Địa chỉ cư trú: ấp V, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Anh D có mặt. Chị Ph vắng mặt, không có đơn xin vắng, anh Th xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2017, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày:

Từ tháng 8/2014 đến tháng 6/2016, giữa chị và chị Huỳnh Thị Ph có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi. Chị là bên bán, chị Ph là bên mua. Hai bên thỏa thuận khi bán heo thanh toán tiền. Sau khi tổng kết nợ vào 6/2016, chị Ph còn nợ chị số tiền 92.353.000 đồng, hứa trả tất vào ngày 03/7/2016 âm lịch nhưng chỉ trả được 50.000.000 đồng, còn lại 42.353.000 đồng, không trả tiếp. Nay chị yêu cầu trách nhiệm liên đới giữa chị Ph và chồng chị Ph là anh Phan Văn Th trả cho chị số tiền 42.353.000 đồng, không yêu cầu tính lãi chậm trả đến khi xét xử.

Lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa, anh Phan Văn D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày: Chị T đồng ý khấu trừ tiền phiếu hỗ trợ trên đầu bao thức ăn chăn nuôi theo đề nghị của chị Ph là 680.000 đồng. Đồng thời sau khi chị T khởi kiện, phía chị Ph tiếp tục trả được 4.000.000 đồng. Nay chị Ph, anh Th còn thiếu lại 37.673.000 đồng, yêu cầu liên đới trả cho chị T. Đối với số tiền chênh lệch giữa đơn khởi kiện và số tiền thực tế phải trả, chị T xin rút yêu cầu. Không yêu cầu tính lãi chậm trả đến khi xét xử.

- Trong quá trình tố tụng, bị đơn là chị Huỳnh Thị Ph trình bày:

Chị thừa nhận có mua thức ăn chăn nuôi của chị T hiện còn thiếu lại số tiền 37.673.000 đồng, đồng ý liên đới cùng chồng là anh Phan Văn Th trả cho chị T số tiền trên, nhưng xin trả sau 08 tháng nữa.

- Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan Văn Th trình bày:

Anh thừa nhận có biết việc vợ anh là chị Ph mua thức ăn chăn nuôi của chị T hiện còn thiếu lại số tiền 37.673.000 đồng, đồng ý liên đới cùng chị Ph trả cho chị T số tiền trên. Do bận công việc nên anh xin vắng mặt tất cả các lần Tòa án mời.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho Viện kiểm sát đúng quy định; quá trình thu thập chứng cứ đúng quy định; kiểm tra chứng chứng và hòa giải đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Riêng phía bị đơn là chị Huỳnh Thị Ph chấp hành pháp luật chưa nghiêm (vắng mặt không lý do,

không có đơn xin vắng); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan Văn Th vắng mặt có đơn xin vắng vì bận công việc nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Ph, anh Th là đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với số tiền yêu cầu chênh lệch giữa đơn khởi kiện và số tiền thiếu thực tế, chị T xin rút yêu cầu này, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại và xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa". Tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án: *"Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận"*. Trong vụ án này chỉ có phía chị T đăng ký kinh doanh, phía chị Ph và anh Th chăn nuôi theo hình thức hộ gia đình, không có đăng ký kinh doanh nên Hội đồng xét xử xác định lại loại án là vụ án dân sự và xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"; trong đó chị Nguyễn Thanh T là nguyên đơn (do anh Phan Văn D là người đại diện theo ủy quyền) , chị Huỳnh Thị Ph là bị đơn, anh Phan Văn Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của chị Ph, anh Th thấy rằng: Anh Th có đơn xin vắng mặt tất cả các lần Tòa án triệu tập do bận công việc; Chị Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng vắng mặt không lý do, không có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Ph, anh Th là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

Về số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi chị T yêu cầu trong đơn khởi kiện là 42.353.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Phía nguyên đơn là chị T thừa nhận sau khi chị khởi kiện, chị Ph có trả cho chị được 4.000.000 đồng; Đồng thời khấu trừ tiền phiếu hỗ trợ trên đầu bao thức ăn chăn nuôi theo đề nghị của chị Ph là 680.000 đồng. Hiện nay chỉ yêu cầu chị Ph cùng anh Th liên đới trả cho chị 37.673.000 đồng. Đối với số tiền chênh lệch 4.680.000 đồng (giữa đơn khởi kiện và số tiền thực tế thiếu), phía nguyên đơn rút yêu cầu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ đối với yêu cầu này là có căn cứ.

Trong quá trình tố tụng, cả chị Ph, anh Th đều thừa nhận có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi với chị T và hiện còn thiếu lại số tiền 37.673.000 đồng. Do

đó, căn cứ Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2005 xác định giữa các bên có giao kết hợp đồng mua bán tài sản (thức ăn chăn nuôi) là có thật; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định việc chị T khởi kiện chị Ph, anh Th yêu cầu trả số tiền còn thiếu 37.673.000 đồng là sự thật, được chị Ph và anh Th thừa nhận, chị T không cần phải chứng minh.

Chị Ph, anh Th thừa nhận là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Quá trình mua thức ăn chăn nuôi để làm kinh tế chung, cùng đồng ý trả nợ nên cần buộc trách nhiệm liên đới giữa chị Ph, anh Th đối với việc trả 37.673.000 đồng cho chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 25, Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005. Về tiền lãi chậm trả đến ngày xét xử, chị T không yêu cầu, không xem xét.

Chị Ph xin gia hạn thời hạn trả đến 08 tháng nữa. Xét thấy, phía chị T không đồng ý việc chị Ph xin trả dần vì cho rằng chị Ph thiếu tiền thời gian dài, đã nhiều lần thỏa thuận nhưng không thành; Trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải, chị T và chị Ph không thống nhất được thời gian và phương thức trả nợ; Tại phiên tòa, chị Ph vắng mặt không lý do, anh Th xin vắng mặt nên không thể tạo điều kiện cho các bên thỏa thuận và cũng không có cơ sở để ghi nhận. Do đó, chỉ buộc chị Ph, anh Th trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu cho chị T. Còn về thời gian và cách thức trả số tiền nêu trên sẽ được xem xét trong quá trình thi hành án.

Các đương sự không có yêu cầu khác nên không xem xét, giải quyết.

Chị Ph, anh Th phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, điểm a khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 428, 438 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 25, Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu chị Huỳnh Thị Ph, anh Phan Văn Th liên đới trả tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu.

Cụ thể tuyên:

1/ Đình chỉ việc chị Nguyễn Thanh T rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.680.000 đồng.

2/ Buộc chị Huỳnh Thị Ph, anh Phan Văn Th liên đới trả cho chị Nguyễn Thanh T số tiền mua bán tài sản (thức ăn chăn nuôi) còn thiếu là 37.673.000 đồng.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 1.883.600 đồng, buộc chị Huỳnh Thị Ph, anh Phan Văn Th liên đới chịu.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thanh T: 3.000.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007727, ngày 04/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- THA huyện Mỏ Cày Nam;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thúy Hằng